



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**ÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-4) 62690743
- Fax : (84-4) 62690741

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
- Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
- Xây dựng đường hầm;
- Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:
- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐTĐ-BHXH-GP ngày 9/11/2009);
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước.
(Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Phi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Hồng Anh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Bà Trương Thị Luyến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Kim Ngọc Nhân

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 375/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 24 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1
Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		177.970.685.990	204.292.004.253
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34.781.216.960	55.032.397.239
1.	Tiền	111		10.747.860.210	28.306.193.386
2.	Các khoản tương đương tiền	112		24.033.356.750	26.726.203.853
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.542.963.176	2.992.273.145
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	236.923.145
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.542.963.176	2.755.350.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.567.741.889	76.061.558.499
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	20.207.281.773	47.188.303.064
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.953.499.917	4.005.247.619
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.895.744.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	39.284.826.169	33.638.795.709
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.877.865.970)	(11.666.531.893)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		77.628.757.898	61.978.086.865
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	77.628.757.898	61.978.086.865
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		13.450.006.067	8.227.688.505
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.458.826.690	2.954.606.289
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.907.808.277	5.115.610.091
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		83.371.100	157.472.125
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.011.854.122	61.128.055.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41.145.841.643	27.258.952.517
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	40.009.444.152	27.050.855.026
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.877.564.490	949.264.490
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(741.166.999)	(741.166.999)
II. Tài sản cố định	220		16.823.150.859	18.494.969.518
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	16.638.132.273	18.299.478.184
<i>Nguyên giá</i>	222		47.995.450.726	46.395.285.998
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(31.357.318.453)	(28.095.807.814)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	185.018.586	195.491.334
<i>Nguyên giá</i>	228		247.455.000	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(62.436.414)	(51.963.666)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.770.388.978	11.740.268.807
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	11.770.388.978	11.740.268.807
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.528.554.420	3.528.554.420
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	2.528.554.420	3.528.554.420
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.743.918.222	105.309.852
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.626.318.222	105.309.852
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		117.600.000	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.982.540.112	265.420.059.367

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		130.559.609.486	155.557.374.996
I. Nợ ngắn hạn	310		111.527.770.677	144.448.052.562
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	19.727.261.662	34.300.937.147
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	21.352.020.487	39.012.988.348
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.476.045.563	9.135.806.777
4. Phải trả người lao động	314		5.903.940.786	8.147.727.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	191.516.359	4.270.303.804
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	36.818.182	545.493.632
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	11.900.567.739	11.589.049.655
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	40.616.348.587	36.122.494.346
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.323.251.312	1.323.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		19.031.838.809	11.109.322.434
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	13.964.650.239	8.402.335.864
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	2.472.702.000	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	12.621.600	125.121.600
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	2.581.864.970	2.581.864.970
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.422.930.626	109.862.684.371
I. Vốn chủ sở hữu	410		122.422.930.626	109.862.684.371
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	91.999.880.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.999.880.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	3.972.746.872	3.167.148.677
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	23.807.727.737	24.053.155.672
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.989.361.482	24.053.155.672
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.818.366.255	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	2.642.576.017	2.642.380.022
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252.982.540.112	265.420.059.367

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	170.656.824.325	187.294.545.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	170.656.824.325	187.294.545.488
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	134.560.517.536	163.041.410.109
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.096.306.789	24.253.135.379
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	858.377.672	800.372.879
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.543.688.721	2.798.383.849
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.275.014.757	2.615.792.930
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.359.743.392	4.326.506.188
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.879.026.613	11.861.232.373
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.172.225.735	6.067.385.848
12. Thu nhập khác	31	VI.7	12.045.266.649	1.045.550.695
13. Chi phí khác	32	VI.8	11.819.451.163	392.191.294
14. Lợi nhuận khác	40		225.815.486	653.359.401
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.398.041.221	6.720.745.249
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	5.697.274.966	1.444.901.580
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(117.600.000)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.818.366.255</u>	<u>5.275.843.669</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>12.818.366.255</u>	<u>5.275.843.669</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>1.393</u>	<u>685</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>1.393</u>	<u>685</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngô Văn Tĩnh

Đinh Thị Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.398.041.221	6.720.745.249
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	3.430.020.677	4.745.189.044
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	211.334.077	4.188.009.948
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	84.704.234	28.070.221
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(237.828.755)	(623.316.778)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.275.014.757	2.615.792.930
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.161.286.211	17.674.490.614
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.563.034.653	2.390.643.649
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.650.671.033)	(15.029.971.858)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(34.193.755.086)	11.474.925.701
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.025.228.771)	2.090.189.957
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		236.923.145	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.409.296.845)	(2.834.488.735)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.229.570.475)	(5.927.750.939)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.068.646.810	3.310.647.669
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.740.293.176)	(3.281.796.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.218.924.567)	9.866.889.813
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,11	(2.453.847.444)	(1.301.845.372)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		223.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.590.000.000)	(5.043.744.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.802.386.824	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		679.717.646	623.316.778
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(338.106.610)	(5.722.272.594)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	30.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	56.905.528.177	61.465.346.811
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(52.603.471.403)	(63.077.173.492)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.505.568.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>4.302.056.774</i>	<i>20.882.605.319</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(20.254.974.403)	25.027.222.538
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	55.032.397.239	18.399.828.721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.794.124	(285.960)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>34.781.216.960</u>	<u>43.426.765.299</u>

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thương mại, xây dựng và cung ứng nhân lực

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Xây lắp và Thương mại	79,62%	78,44%	79,62%	78,44%

(*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 253 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 163 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Lào Việt (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn là chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Nhận diện thương hiệu

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuê mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.745.286.831	2.560.501.731
Tiền gửi ngân hàng	8.877.573.379	19.330.170.285
Tiền đang chuyển	125.000.000	6.415.521.370
Các khoản tương đương tiền	24.033.356.750	26.726.203.853
<i>(Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)</i>		
Cộng	<u>34.781.216.960</u>	<u>55.032.397.239</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuê 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	-	-	-	236.923.145	236.923.145	-
Công ty cổ phần CMISTONE Việt Nam	-	-	-	236.923.145	236.923.145	-
Cộng	-	-	-	236.923.145	236.923.145	-

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	2.542.963.176	2.542.963.176	2.755.350.000	2.755.350.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	2.542.963.176	2.542.963.176	2.755.350.000	2.755.350.000
Dài hạn	2.528.554.420	2.528.554.420	3.528.554.420	3.528.554.420
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	2.528.554.420	2.528.554.420	3.528.554.420	3.528.554.420
Cộng	5.071.517.596	5.071.517.596	6.283.904.420	6.283.904.420

3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	20.207.281.773	47.188.303.064
SK Engineering and Construction Co.,Ltd	6.221.407.939	10.013.241.616
Ban Quản lý Dự án nhà máy Alumina Nhân cơ - Vinacomin	6.013.958.578	-
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4	3.245.000	7.210.896.000
Công ty Cổ phần Than điện Nông Sơn Vinacomin	-	6.581.077.539
Công ty TNHH MTV Xây lắp – Môi trường Nhân Cơ - TKV	-	6.023.140.192
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	3.676.048.710	6.779.104.876
Các khách hàng khác	4.292.621.546	10.580.842.841
Cộng	20.207.281.773	47.188.303.064

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	40.009.444.152	27.050.855.026
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	15.912.736.234	15.912.736.234
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4	6.987.356.000	3.987.356.000
SK Engineering and Construction Co.,Ltd	8.085.795.115	1.813.372.083
Các khách hàng khác	9.023.556.803	5.337.390.709
Cộng	40.009.444.152	27.050.855.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.953.499.917	4.005.247.619
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	831.674.428	831.674.428
Doanh nghiệp tư nhân Song Nguyên	-	600.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Trường Thịnh Đăk Nông	526.084.610	399.999.900
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp tiêu thụ	-	572.762.100
Các nhà cung cấp khác	595.740.879	1.600.811.191
Cộng	1.953.499.917	4.005.247.619

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	200.000.000	-	457.611.144	-
Phải thu về tiền thù lao HĐQT và BKS tạm trả	-	-	256.188.710	-
Cho bà Đinh Thị Thủy vay không tính lãi	-	-	201.422.434	-
Cho Bà Nguyễn Thị Loan vay không tính lãi	200.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	39.084.826.169	10.770.024.871	33.181.184.565	10.770.024.870
Phải thu về lãi tiền gửi	281.138.480	-	255.266.233	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài Nguyên	21.540.049.741	10.770.024.871	21.540.049.741	10.770.024.870
Tạm ứng	9.957.166.443	-	1.776.400.433	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.344.375.094	-	1.487.014.638	-
Phải thu về cho vay không tính lãi	60.000.000	-	442.013.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.902.096.411	-	7.680.440.520	-
Cộng	39.284.826.169	10.770.024.871	33.638.795.709	10.770.024.870

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.877.564.490	-	949.264.490	-
Ký cược, ký quỹ	1.877.564.490	-	949.264.490	-
Cộng	1.877.564.490	-	949.264.490	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa	-	24.337.269.014	-	24.287.269.014
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Quá hạn trên 3 năm	62.500.000	Quá hạn trên 3 năm	62.500.000
Công ty Cổ phần Anh Cao		55.850.000		55.850.000
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Quá hạn trên 3 năm		Quá hạn trên 3 năm	
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ Tầng		28.000.000		28.000.000
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Quá hạn trên 3 năm		Quá hạn trên 3 năm	
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm		1.896.422.348		1.896.422.348
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài nguyên		21.540.049.741		21.540.049.741
<i>Phải thu tiền cho vay và vật tư</i>	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy Điện		704.446.925		704.446.925
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Quá hạn trên 3 năm		Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Quá hạn trên 3 năm	50.000.000	Quá hạn trên 3 năm	50.000.000
Cộng		24.337.269.014		24.337.269.014
		11.718.236.045		11.929.570.122

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	11.666.531.893	741.166.999	12.407.698.892
Trích lập dự phòng bổ sung	211.334.077	-	211.334.077
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối kỳ	11.877.865.970	741.166.999	12.619.032.969

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.399.501.932	-	7.247.839.529	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	71.113.050.522	-	54.553.881.488	-
Hàng hóa	116.205.444	-	176.365.848	-
Cộng	77.628.757.898	-	61.978.086.865	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất sử dụng	2.028.639.695	2.647.179.840
Chi phí sửa chữa	206.737.285	32.129.999
Chi phí bảo hiểm	60.767.578	24.058.864
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	162.682.133	251.237.586
Cộng	2.458.826.690	2.954.606.289

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất sử dụng	2.584.318.222	12.178.204
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng trên 12 tháng	-	93.131.648
Cộng	2.626.318.222	105.309.852

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	33.151.553.346	11.783.332.151	411.908.848	1.048.491.653	46.395.285.998
Mua trong kỳ	2.423.727.273	-	-	-	2.423.727.273
Thanh lý, nhượng bán	(745.454.545)	-	(78.108.000)	-	(823.562.545)
Số cuối kỳ	34.829.826.074	11.783.332.151	333.800.848	1.048.491.653	47.995.450.726
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.764.782.892	1.474.396.875	259.654.303	1.048.491.653	7.547.325.723
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	19.903.778.997	6.796.176.889	347.360.275	1.048.491.653	28.095.807.814
Khấu hao trong kỳ	2.588.930.115	793.138.717	37.479.097	-	3.419.547.929
Thanh lý, nhượng bán	(79.929.290)	-	(78.108.000)	-	(158.037.290)
Số cuối kỳ	22.412.779.822	7.589.315.606	306.731.372	1.048.491.653	31.357.318.453
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.247.774.349	4.987.155.262	64.548.573	-	18.299.478.184
Số cuối kỳ	12.417.046.252	4.194.016.545	27.069.476	-	16.638.132.273
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.845.563.262VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Liên Việt.

10. Tài sản cố định vô hình

	Nhận diện thương hiệu	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
Số cuối kỳ	209.455.000	38.000.000	247.455.000
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	13.963.666	38.000.000	51.963.666
Khấu hao trong kỳ	10.472.748	-	10.472.748
Số cuối kỳ	24.436.414	38.000.000	62.436.414
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	195.491.334	-	195.491.334
Số cuối kỳ	185.018.586	-	185.018.586
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	11.740.268.807	30.120.171	-	11.770.388.978
<i>Công trình Trung tâm Thương mại Kinh Môn</i>	<i>11.740.268.807</i>	<i>30.120.171</i>	-	<i>11.770.388.978</i>
Cộng	11.740.268.807	30.120.171	-	11.770.388.978

12. Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>19.727.261.662</i>	<i>34.300.937.147</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hảo	807.560.773	8.080.414.058
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	3.899.458.263
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Á Châu	-	1.468.600.000
Các nhà cung cấp khác	18.919.700.889	20.852.464.826
Cộng	19.727.261.662	34.300.937.147

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>13.964.650.239</i>	<i>8.402.335.864</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.401.825.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hảo	6.913.757.595	1.971.479.433
Các nhà cung cấp khác	1.669.885.366	1.049.849.153
Cộng	13.964.650.239	8.402.335.864

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>21.352.020.487</i>	<i>39.012.988.348</i>
SK Engineering and Construction Co.,Ltd	8.791.431.118	13.146.677.108
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	11.424.285.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ - TKV	3.575.495.090	9.598.635.282
Ban quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang	1.500.000.000	2.900.000.000
Công ty Xi măng Nghi Sơn	1.119.495.384	-
Duglas Alliance	2.150.000.000	-
Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin	2.272.768.040	-
Các khách hàng khác	1.942.830.855	1.943.390.958
Cộng	21.352.020.487	39.012.988.348

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.129.722.371	-	5.784.106.189	(7.521.477.289)	1.475.722.371	(83.371.100)
Thuế nhập khẩu	-	-	6.509.230	(6.509.230)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở trong nước	2.232.826.514	(157.472.125)	3.383.279.913	(2.229.570.475)	3.229.063.827	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài	1.338.854.098	-	2.313.995.053	-	3.652.849.151	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.241.455.602	-	185.702.247	(2.336.191.279)	90.966.570	-
Các loại thuế khác	133.026.215	-	6.000.000	(135.801.569)	3.224.646	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	59.921.977	-	1.964.297.021	-	2.024.218.998	-
Cộng	9.135.806.777	(157.472.125)	13.643.889.653	(12.229.549.842)	10.476.045.563	(83.371.100)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.398.041.221	6.720.745.249
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.071.441.228	(28.070.221)
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.182.263.605	-
Chi phí khấu hao xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ	228.278.956	-
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	412.813.003	-
Các khoản tiền phạt	2.006.626.192	-
Chênh lệch tạm thời trên BCTC hợp nhất do loại trừ TSCĐ mua bán nội bộ	534.545.454	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(110.822.377)	(28.070.221)
Chênh lệch lãi lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền, các khoản phải thu	(110.822.377)	(28.070.221)
Thu nhập chịu thuế	21.469.482.449	6.692.675.028
Lãi các năm trước được chuyển		(119.676.406)
Thu nhập tính thuế	21.469.482.449	6.572.998.622
Trong đó:		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thu nhập từ hoạt động ở nước ngoài</i>	10.518.159.331	827.145.020
<i>Thu nhập từ hoạt động ở trong nước</i>	10.951.323.118	5.745.853.602
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.723.286.139	1.446.059.697
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở nước ngoài</i>	2.313.995.053	181.971.904
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở trong nước</i>	2.409.291.086	1.264.087.792
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	(1.158.117)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.723.286.139	1.444.901.580
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	973.988.827	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.697.274.966	1.444.901.580
Các loại thuế khác		
Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.		
15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	191.516.359	4.270.303.804
Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành	-	1.439.035.866
Chi phí lãi vay phải trả	111.516.359	245.798.447
Phí quản lý dự án	-	2.505.469.491
Chi phí phải trả khác	80.000.000	80.000.000
Cộng	191.516.359	4.270.303.804
16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn		
16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	36.818.182	545.493.632
Doanh thu cho thuê nhà	36.818.182	36.818.182
Doanh thu bán hàng hóa đã xuất hóa đơn nhưng chưa bàn giao hàng	-	508.675.450
Cộng	36.818.182	545.493.632

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.472.702.000	-
Doanh thu nhận trước Dự án Sendji	2.472.702.000	-
Cộng	2.472.702.000	-

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	64.557.731	64.557.731
Bà Nguyễn Thị Loan - Phải trả các khoản chi hộ	64.557.731	64.557.731
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	11.835.890.008	11.524.491.924
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, thất nghiệp	506.370.004	1.750.410.407
Kinh phí công đoàn	425.935.238	359.878.106
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.706.414.090	479.900.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng	5.111.827.647	5.111.827.647
Công ty SK Engineering and Construction	1.228.587.281	-
Thuế thu nhập cá nhân phải trả	286.174.160	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.450.386.928	2.702.161.104
Cộng	11.900.567.739	11.589.049.655

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.621.600	125.121.600
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.621.600	125.121.600
Cộng	12.621.600	125.121.600

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	41.730.007.011	41.730.007.011	36.122.494.346	36.122.494.346
Vay ngắn hạn ngân hàng	23.150.540.163	23.150.540.163		
Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i)	23.150.540.163	23.150.540.163	23.120.994.026	23.120.994.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các cá nhân	16.352.150.000	16.352.150.000		
<i>Vay Bà Nguyễn Thúy Dung (ii)</i>	<i>8.722.150.000</i>	<i>8.722.150.000</i>	-	-
<i>Vay Ông Nguyễn Hữu Mạnh (ii)</i>	<i>700.000.000</i>	<i>700.000.000</i>	700.000.000	700.000.000
<i>Vay Bà Ngô Thị Trang (ii)</i>	<i>6.930.000.000</i>	<i>6.930.000.000</i>	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	2.227.316.848	2.227.316.848		
<i>Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình</i>	<i>1.778.832.000</i>	<i>1.778.832.000</i>	1.778.832.000	1.778.832.000
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt</i>	<i>448.484.848</i>	<i>448.484.848</i>	448.484.848	448.484.848
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên</i>	-	-	1.074.183.472	1.074.183.472
Cộng	41.730.007.011	41.730.007.011	36.122.494.346	36.122.494.346

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký kết ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,2%, thời hạn vay 11 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	32.120.994.026	700.000.000	3.301.500.320	36.122.494.346
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	36.253.378.177	20.652.150.000	-	56.905.528.177
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	1.113.658.424	1.113.658.424
CLTG do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	191.797.467	-	-	191.797.467
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(45.415.629.507)	(5.000.000.000)	(2.187.841.896)	(52.603.471.403)
Số cuối kỳ	23.150.540.163	16.352.150.000	2.227.316.848	41.730.007.011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cồ Nhué I, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.468.206.546	1.468.206.546	2.581.864.970	2.581.864.970
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình (i)	1.222.752.000	1.222.752.000	2.112.168.000	2.112.168.000
Ngân hàng Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (ii)	245.454.546	245.454.546	469.696.970	469.696.970
Cộng	1.468.206.546	1.468.206.546	2.581.864.970	2.581.864.970

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – PGD Mỹ Đình để mua xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L với lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 02 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để mua trạm trộn bê tông và máy cầu quy 50 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.227.316.848	3.301.500.320
Trên 1 năm đến 5 năm	1.468.206.546	2.581.864.970
Cộng	3.695.523.394	5.883.365.290

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	857.610.520	465.640.792	1.323.251.312
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-	-
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	857.610.520	465.640.792	1.323.251.312

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	877.646.070	1.598.491.154	16.405.631.292	68.973.205.552
Cổ đông góp vốn bằng tiền	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trích lập các quỹ trong kỳ	-	599.574.417	-	5.275.843.669	5.275.843.669
Chia cổ tức	-	-	-	(839.404.183)	(239.829.766)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Giám khác	-	-	-	(124.366.667)	(124.366.667)
Giám khác	-	-	-	(63.800)	(63.800)
Số dư cuối kỳ trước	<u>80.000.000.000</u>	<u>1.477.220.487</u>	<u>1.598.491.154</u>	<u>13.217.640.311</u>	<u>96.384.788.988</u>
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	3.167.148.677	-	24.053.155.672	107.220.304.349
Chia cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn	11.999.880.000	-	-	(12.000.000.000)	(120.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	12.818.366.255	12.818.366.255
Trích lập các quỹ	-	805.598.195	-	(805.598.195)	-
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	(258.000.000)	(258.000.000)
Giám khác	-	-	-	(195.995)	(195.995)
Số dư cuối kỳ này	<u>91.999.880.000</u>	<u>3.972.746.872</u>	<u>-</u>	<u>23.807.727.737</u>	<u>119.780.354.609</u>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 16 tháng 4 năm 2015, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:15 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 15 cổ phiếu phát hành thêm). Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông ngày 30 tháng 6 năm 2015 để trả cổ tức bằng cổ phiếu. Trên cơ sở đó, Công ty mẹ đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 11.999.880.000 VND và chưa điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ.

20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.200.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.199.988	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.199.988	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.199.988	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.199.988	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20c. Phân phối lợi nhuận

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển là 805.598.195 VND và chia cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông với mức 15% mệnh giá cổ phiếu. Tổng số cổ tức phải trả theo danh sách cổ đông chốt ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 12.000.000.000 VND trong đó, bằng cổ phiếu là 1.199.988 CP tương đương 11.999.880.000 VND và bằng tiền (cho phần cổ phiếu lẻ) là 120.000 VND.

21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.642.380.022	2.641.711.350
Điều chỉnh tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số do thay đổi tỷ lệ sở hữu	195.995	63.800
Số cuối kỳ	<u>2.642.576.017</u>	<u>2.641.775.150</u>

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

22a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	199.136,32	199.136,32
Kip Lào (LAK)	2.413.920,00	2.413.920,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	40.795.010.251	37.522.044.568
Doanh thu cung cấp dịch vụ	846.264.748	3.004.855.091
Doanh thu hợp đồng xây dựng	129.015.549.326	146.767.645.829
Cộng	<u>170.656.824.325</u>	<u>187.294.545.488</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.810.212.350	63.464.158.670
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	368.403.736	2.859.256.377
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	104.381.901.450	96.717.995.062
Cộng	<u>134.560.517.536</u>	<u>163.041.410.109</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	570.303.100	435.078.869
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.147.676	17.999.456
Lãi tiền cho vay	6.837.691	188.237.909
Lãi bán cổ phiếu CMI	102.576.855	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	163.512.350	114.999.824
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	28.070.221
Chiết khấu thanh toán	-	3.278.032
Cộng	858.377.672	800.372.879

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.275.014.757	2.615.792.930
Lãi mua hàng trả chậm	-	20.688.061
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	183.969.730	161.902.858
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	84.704.234	-
Cộng	1.543.688.721	2.798.383.849

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.321.757.279	4.326.506.188
Các chi phí khác	37.986.113	-
Cộng	8.359.743.392	4.326.506.188

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.148.673.217	3.550.503.061
Chi phí vật liệu quản lý	-	11.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	344.697.179	204.524.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.052.464.392	617.471.916
Thuế, phí và lệ phí	155.367.831	201.302.940
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	211.334.077	4.188.009.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.918.238.060	3.021.807.725
Các chi phí khác	48.251.857	66.612.513
Cộng	8.879.026.613	11.861.232.373

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ bán dầu	5.598.955.536	-
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	3.586.043.850	-
Thu từ bán vật liệu nổ	796.208.499	-
Thu tiền thí nghiệm công trình	49.282.764	117.112.354
Thu từ thanh lý phế liệu, vật tư	722.001.818	7.000.000
Thu từ dịch vụ khoan và nổ mìn	536.594.635	-
Thu tiền hỗ trợ thị trường	-	366.250.000
Thu phí bảo hiểm được hoàn	525.023.921	206.878.144
Thu khác	231.155.626	348.310.197
Cộng	12.045.266.649	1.045.550.695

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	441.888.891	-
<i>Trong đó: Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	<i>223.636.364</i>	<i>-</i>
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	<i>665.525.255</i>	<i>-</i>
Chi phí mua dầu	5.332.498.690	-
Chi phí bán vật liệu nổ	796.208.499	-
Chi phí thí nghiệm công trình	49.282.764	117.112.354
Giá trị vật tư thanh lý	2.624.835.885	59.594.444
Chi phí dịch vụ khoan và nổ mìn	415.076.813	-
Các khoản tiền phạt	2.006.626.192	-
Chi phí tiền điện	-	165.034.000
Chi khác	153.033.429	50.450.496
Cộng	11.819.451.163	392.191.294

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Giá mua ô tô Công ty mẹ mua của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	560.000.000
Giá trị còn lại của ô tô tại thời điểm bán	-
Khấu hao của ô tô mua trong kỳ	25.454.546
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	534.545.454
Thuế suất thuế TNDN	22%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	117.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	12.818.366.255	5.275.843.669
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	12.818.366.255	5.275.843.669
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.199.988	7.699.988
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.393	685

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	1.500.000
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	1.199.988	1.199.988
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.199.988	7.699.988

10b. Thông tin khác

Năm 2015 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 812 VND xuống còn 685 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.999.980.000	-
Cộng	11.999.980.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền thu từ đi vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay ngân hàng theo kế ước thông thường	36.253.378.177	58.186.286.811
Tiền thu từ đi vay thông thường các tổ chức, cá nhân	20.652.150.000	3.279.060.000
Cộng	56.905.528.177	61.465.346.811

3. Tiền trả nợ gốc vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay ngân hàng theo kế ước thông thường	47.603.471.403	57.698.113.492
Tiền trả nợ vay thông thường các tổ chức, cá nhân	5.000.000.000	5.379.060.000
Cộng	52.603.471.403	63.077.173.492

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	126.000.000	143.838.710
Cổ tức đã chi trả cho HĐQT	-	1.555.771.650

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	1.006.081.216	1.187.007.412

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	123.508.186.432	47.148.637.893	170.656.824.325
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.508.186.432	47.148.637.893	170.656.824.325
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.752.583.588	12.343.723.201	36.096.306.789
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(17.238.770.005)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			18.857.536.784
Doanh thu hoạt động tài chính			858.377.672
Chi phí tài chính			(1.543.688.721)
Thu nhập khác			12.045.266.649
Chi phí khác			(11.819.451.163)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.697.274.966)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			117.600.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			12.818.366.255
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.940.774.691	1.504.371.202	5.445.145.893
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.822.742.717	1.077.568.039	3.900.310.756
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	141.512.650.548	45.781.894.940	187.294.545.488
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	141.512.650.548	45.781.894.940	187.294.545.488
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.198.528.163	7.054.607.216	24.253.135.379
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(16.187.738.561)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.065.396.818
Doanh thu hoạt động tài chính			800.372.879

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Chi phí tài chính			(2.798.383.849)
Thu nhập khác			1.045.550.695
Chi phí khác			(392.191.294)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.444.901.580)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.275.843.669
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	516.567.469	167.118.894	683.686.363
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.877.508.159	607.407.754	2.484.915.913

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	112.326.164.945	27.472.818.795	139.798.983.740
Tài sản phân bổ cho bộ phận	15.855.526.957	6.052.768.814	21.908.295.771
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			91.157.660.601
Tổng tài sản			252.864.940.112
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10.447.407.551	13.414.133.118	23.861.540.669
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	60.058.534.710	22.927.047.893	82.985.582.603
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			23.712.486.214
Tổng nợ phải trả			130.559.609.486
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	121.218.637.285	19.003.855.289	140.222.492.574
Tài sản phân bổ cho bộ phận	16.286.053.574	5.268.832.085	21.554.885.659
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			103.642.681.134
Tổng tài sản			265.420.059.367
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	26.411.804.872	13.146.677.108	39.558.481.980
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	70.891.110.689	22.934.552.983	93.825.663.672
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			22.173.229.344
Tổng nợ phải trả			155.557.374.996

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực xây lắp	129.015.549.326	146.767.645.829
Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	846.264.748	3.004.855.091
Lĩnh vực thương mại	40.795.010.251	37.522.044.568
Cộng	170.656.824.325	187.294.545.488

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	2.755.350.000	2.755.350.000	(i)
Đầu tư ngắn hạn		2.755.350.000	(2.755.350.000)	-	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	3.528.554.420	3.528.554.420	(i)
Đầu tư dài hạn		3.528.554.420	(3.528.554.420)	-	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	30.703.297.638	2.935.498.071	33.638.795.709	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.935.498.071	(2.935.498.071)	-	(ii)
Phải thu dài hạn khác	216	-	949.264.490	949.264.490	(ii)
Tài sản dài hạn khác	268	949.264.490	(949.264.490)	-	(ii)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(12.357.698.892)	(741.166.999)	(11.616.531.893)	(iii)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	741.166.999	(741.166.999)	(iii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	877.646.070	2.289.502.607	3.167.148.677	(iv)
Quỹ dự phòng tài chính		2.289.502.607	(2.289.502.607)	-	(iv)

(i) Trình bày lại khoản tiền gửi có kỳ hạn

(ii) Trình bày lại khoản tạm ứng và ký cược, ký quỹ

(iii) Trình bày lại khoản dự phòng phải thu khó đòi

(iv) Chuyển quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính. Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.781.216.960	55.032.397.239
Chứng khoán kinh doanh	-	236.923.145
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.071.517.596	6.283.904.420
Phải thu khách hàng	60.216.725.925	74.239.158.090
Các khoản cho vay	200.000.000	3.097.166.434
Các khoản phải thu khác	31.205.224.216	32.811.659.766
Cộng	<u>131.474.684.697</u>	<u>171.701.209.094</u>

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.781.216.960	-	34.781.216.960
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.071.517.596	-	5.071.517.596
Phải thu khách hàng	57.419.506.652	2.797.219.273	60.216.725.925
Các khoản cho vay	200.000.000	-	200.000.000
Các khoản phải thu khác	9.665.174.475	21.540.049.741	31.205.224.216
Cộng	<u>107.137.415.683</u>	<u>24.337.269.014</u>	<u>131.474.684.697</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.032.397.239	-	55.032.397.239
Chứng khoán kinh doanh	236.923.145	-	236.923.145
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.283.904.420	-	6.283.904.420
Phải thu khách hàng	71.491.938.817	2.747.219.273	74.239.158.090
Các khoản cho vay	3.097.166.434	-	3.097.166.434
Các khoản phải thu khác	11.271.610.025	21.540.049.741	32.811.659.766
Cộng	<u>147.413.940.080</u>	<u>24.287.269.014</u>	<u>171.701.209.094</u>

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	41.730.007.011	1.468.206.546	-	43.198.213.557
Phải trả người bán	19.727.261.662	13.964.650.239	-	33.691.911.901
Các khoản phải trả khác	10.873.604.696	12.621.600	-	10.886.226.296
Cộng	72.330.873.369	15.445.478.385	-	87.776.351.754
Số đầu năm				
Vay và nợ	36.122.494.346	2.581.864.970	-	38.704.359.316
Phải trả người bán	34.300.937.147	8.402.335.864	-	42.703.273.011
Các khoản phải trả khác	13.749.064.946	125.121.600	-	13.874.186.546
Cộng	84.172.496.439	11.109.322.434	-	95.281.818.873

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 và ngày 30 tháng 06 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và LAK do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	LAK	USD	LAK
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.136,32	2.413.920,00	199.136,32	2.413.920,00
Phải thu khách hàng	663.677,58	-	-	-
Vay và nợ	(358.786,00)	-	(548.453,00)	-
Phải trả người bán	(1.430,00)	(170.363.411,25)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	502.597,90	(167.949.491,25)	(349.316,68)	2.413.920,00

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.033.356.750	-	26.726.203.853	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.071.517.596	-	6.283.904.420	-
Vay và nợ	(39.076.870.135)	(358.786,00)	(26.968.562.022)	(548.453,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(9.971.995.789)	(358.786,00)	6.041.546.251	(548.453,00)

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ có giá trị nhỏ.

4d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy



Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

VIỆT NAM